



VẤN ĐỀ HỒI CƯ CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ NGƯỜI KHƠ-ME KHU VỰC MIỀN NÚI TỈNH AN GIANG

HỒ THỊ NGÂN

VÕ DUY THANH

1. Tổng quan

Ngay sau khi thực hiện chính sách đổi mới và mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã thu hút rất nhiều nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Số lượng và quy mô các khu công nghiệp (KCN) trên cả nước không ngừng gia tăng đã tạo ra một nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực đáp ứng cho tiến trình này. Mặt khác, diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, lao động nông thôn không đủ việc làm, giá trị lao động nông nghiệp thấp, đặc biệt có sự chênh lệch lớn giữa thu nhập khu vực thành thị và nông thôn đã dẫn đến hiện tượng một lượng lớn lao động di cư tự phát từ nông thôn vào các đô thị và các KCN để tìm kiếm việc làm (World Bank và DFID, 1999). Bên cạnh đó, một lượng lớn lao động nông thôn không đạt sản xuất, sinh kế chủ yếu dựa vào làm thuê nông nghiệp theo thời vụ, thu nhập thấp và không ổn định, trong khi lĩnh vực phi nông nghiệp nông thôn chưa thu hút được nhiều lao động rời ra từ lĩnh vực nông nghiệp. Điều này đã tạo ra sức ép rất lớn cho lực lượng lao động ở vùng nông thôn di cư tìm việc làm nơi khác (Võ Duy Thanh, 2009).

Trong bối cảnh chung đó, một lượng lớn lao động người dân tộc Khơ-me khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh, các KCN và các trang trại ở miền Đông Nam Bộ để tìm kiếm việc làm. Đây là lực lượng lao động chưa qua đào tạo, chỉ tham gia các công việc giản đơn và chưa quen với tác phong làm việc ở các khu công nghiệp. Hiện tượng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị của người Khơ-me tỉnh An Giang bắt đầu diễn ra từ năm 2002 và trở nên rất phổ biến từ năm 2007. Tuy nhiên, số lượng lao động di cư người Khơ-me trở về nông thôn rất đông do nhiều nguyên nhân khác nhau. Những nguyên nhân chính nào đã thúc đẩy quyết định hồi cư của người Khơ-me? Sự hồi cư có tác động như thế nào đến đời sống của người lao động Khơ-me sau khi trở về nông thôn? Nghiên cứu này một phần trả lời các câu hỏi trên.

2. Một số nghiên cứu liên quan

Di cư lao động nông thôn - thành thị là một hiện tượng rất phổ biến ở nhiều quốc gia và nó đóng vai trò rất quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn thông qua lượng tiền gửi về gia đình (Ellis,

2003). Di cư lao động cũng góp phần đa dạng hóa nguồn thu nhập và giảm thiểu tình trạng thất nghiệp tại khu vực nông thôn (Ellis, 2000; Ngô Trung Thành, 2008). Chính vì thế, di cư lao động được xem là một xu hướng tất yếu nhằm cải thiện sinh kế cho người nghèo vùng nông thôn (World Bank và DFID, 1999). Di cư được xem là một kết quả phức hợp của dòng lao động tại nơi đến và nơi đi, thực tế quá trình di cư bao hàm cả di cư đi và hồi cư (Zhang et al., 2006).

Theo Cassarino (2008), hồi cư là sự di chuyển tự nguyện hoặc bắt buộc của người lao động nhập cư trở về cộng đồng nơi họ được sinh ra. Hồi cư là một trải nghiệm của sự di cư do vô tình bị thất bại trong một bối cảnh cụ thể và được xem xét trên các khía cạnh như sinh kế, việc làm, thời gian tại nơi đến và nguồn vốn con người không được sử dụng một cách hợp lý. Theo Ruspini (2009), hồi cư là kết quả của thành công hoặc thất bại của quá trình di cư. Hồi cư xảy ra khi người lao động không hòa nhập được với nơi đến hoặc không thể tìm được việc làm tại nơi đến.

Theo kết quả nghiên cứu của ILO (2004), phần lớn những người lao động di cư thường làm tất cả các công việc được thuê mướn, có thể gọi là những công việc 3D¹. Theo Ngô Trung Thành (2008), một lượng lớn lao động phổ thông làm việc tại các thành phố lớn hoặc những KCN với điều kiện làm việc khắc nghiệt và chịu nhiều áp lực. Trong khi đó, họ thường sống trong những khu nhà tạm bợ, không an toàn với chi phí cao, trong khi thu nhập của họ rất thấp.

¹ Công việc 3D: Dirty, Dangerous and Difficult jobs - các công việc bụi bẩn, nguy hiểm và khó khăn.

Sinh kế của lao động hồi cư rất đa dạng nhằm thích ứng với tình hình ở cộng đồng của họ sau khi trở về nông thôn (Cassarino, 2004). Có thể nói rằng sinh kế sau khi trở về quê hoàn toàn phụ thuộc vào tình hình thực tế của nơi họ trở về và phụ thuộc vào điều kiện thực tế của bản thân người hồi cư. Nếu trong quá trình di cư họ có thể tích lũy được nguồn vốn tài chính tốt, sau khi họ trở về họ có thể đầu tư kinh doanh buôn bán. Sau khi hồi cư, những người di cư này phần lớn không bị thất nghiệp mà có được cuộc sống tốt hơn. Một số ít lao động hồi cư tiếp tục làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (Gubert và Nordman, 2008).

3. Địa điểm nghiên cứu

An Giang là một trong những tỉnh của ĐBSCL tập trung nhiều người Khơ-me sinh sống, xếp thứ 4 sau các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang. Dân tộc Khơ-me cư trú trên địa bàn 27 xã thuộc 5 huyện, với 90.271 người, chiếm 80% tổng số người dân tộc thiểu số (DTTS) và chiếm 4,21% tổng dân số của tỉnh An Giang (Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009). Trong đó, có đến 91,8% dân số dân tộc Khơ-me sống ở hai huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên. Cộng đồng dân tộc Khơ-me sinh sống chủ yếu ở vùng đất cao ven chân núi theo từng Phum Sóc. Nguồn thu nhập chính dựa vào trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê mướn theo thời vụ.

Tri Tôn là một trong những huyện có số người lao động di cư trở về nông thôn cao nhất tỉnh An Giang. Riêng trong năm 2009, toàn huyện Tri Tôn có đến 961 người lao động trở về nông thôn. Nghiên cứu điển hình được thực hiện tại xã Ô Lâm, là một trong

những xã nghèo nhất huyện Tri Tôn với 97,3% dân số là người Khơ-me và là xã có số lượng lao động hồi cư cao nhất huyện.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu định tính được tiếp cận theo phương pháp dân tộc học. Dữ liệu được thu thập năm 2011, sử dụng các công cụ chính như sau:

- Thảo luận nhóm tập trung (PRA): Thực hiện trên 2 nhóm đối tượng (nhóm di cư lao động theo mùa vụ và nhóm lao động di cư ngắn hạn).
- Phỏng vấn sâu: cán bộ địa phương và lao động hồi cư.
- Phỏng vấn bằng bảng câu hỏi cấu trúc: 25 lao động Khơ-me hồi cư.
- Điền dã quan sát sinh kế cộng đồng.
- Lược khảo một số nghiên cứu có liên quan.

Nghiên cứu tập trung phân tích hai nhóm lao động Khơ-me hồi cư:

- *Nhóm lao động di cư theo mùa vụ*: là những lao động nghèo làm thuê trong nông nghiệp, thường di cư vào thời gian giữa các vụ mùa và trong suốt 3 tháng mùa lũ (tháng 8 đến tháng 10 dương lịch). Lao động di cư mùa vụ thường làm việc trong các nông trường cao su và cà phê, các công trình xây dựng, và các KCN tại Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ.

- *Nhóm lao động di cư ngắn hạn*: cũng là những lao động nghèo di cư tìm việc vào bất kỳ thời điểm nào trong năm, khoảng thời gian làm việc của họ tại nơi đến dao động từ 1 đến 3 tháng. Nhóm lao động này thường

tìm việc làm tại các khu công nghiệp và các công ty tư nhân.

5. Kết quả thảo luận

5.1. Thông tin chung về lao động hồi cư người Khơ-me

Phần lớn lao động Khơ-me di cư thuộc nhóm hộ gia đình nghèo và trung bình có từ 4 đến 8 thành viên. Đây là những hộ gia đình có rất ít đất hoặc không đất sản xuất, nhiều hộ Khơ-me đã bán hoặc cầm cố đất nhưng không có khả năng chuộc lại đất.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết người Khơ-me hồi cư nằm trong độ tuổi từ 25 đến 40 tuổi, người hồi cư có độ tuổi cao nhất là 45 tuổi. Trình độ học vấn của những người lao động di cư rất khác nhau, đại đa số người lao động không biết chữ hoặc chưa hoàn thành cấp tiểu học. Tỷ lệ lao động trẻ có trình độ cấp hai cao hơn so với nhóm lao động có độ tuổi trên 40 tuổi. Hầu như không có lao động hoàn thành bậc học cấp phổ thông trung học.

Ngôn ngữ Khơ-me được sử dụng chính trong giao tiếp hàng ngày tại nơi làm việc của nhóm lao động được khảo sát. Phần lớn người Khơ-me sống tập trung trong các cộng đồng *phum*, *sóc*, ít tiếp xúc với bên ngoài nên khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt rất hạn chế. Đây cũng là một trong những rào cản chính khi họ tham gia lao động ở các khu công nghiệp và các nông trường cao su và cà phê.

Nghề nghiệp của người Khơ-me không đa dạng như người Kinh, phụ thuộc chủ yếu vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp như chăn nuôi quy mô nhỏ, làm thuê và buôn bán nhỏ. Chăn nuôi bò là hoạt động sinh kế

truyền thống của người dân tộc Kơ-me, tập trung dưới hai hình thức: nuôi bò bằng vốn tự có hoặc nguồn vốn vay từ ngân hàng Chính sách xã hội, và chăn nuôi bò rế². Mặc dù được xem là hoạt động sinh kế chính trong cộng đồng dân tộc Kơ-me, nhưng nguồn thu nhập từ chăn nuôi bò hiện nay không cao do thời gian chăm sóc thường kéo dài từ 1 đến 3 năm, tình trạng cơ giới hóa rất phổ biến hiện nay đã thay thế đáng kể việc sử dụng sức kéo trâu bò trong sản xuất nông nghiệp, không còn tạo ra nhiều thu nhập tăng thêm cho hộ nghèo Kơ-me.

Nguồn chi tiêu hàng ngày của các nhóm đối tượng Kơ-me được khảo sát được xếp theo thứ tự ưu tiên gồm: lương thực - thực phẩm, lễ hội/đám tiệc, chi phí cho con đi học, đầu tư sản xuất, chi phí cho sức khỏe, và chi phí mua sắm vật dụng gia đình.

Mối quan hệ xã hội trong cộng đồng Kơ-me rất gắn bó thông qua các mối quan hệ gia đình, họ hàng, bạn bè, láng giềng, và đặc biệt qua các hoạt động lễ hội tôn giáo. Tuy nhiên, mối quan hệ của người Kơ-me với cộng đồng bên ngoài và với chính quyền địa phương không chặt chẽ do tập quán sống khép kín của họ.

5.2. Một số lý do di cư lao động của người Kơ-me

Kết quả khảo sát cho thấy, lao động Kơ-me di cư tìm việc tại các thành phố và các KCN với 4 nguyên nhân chính. Thứ nhất, việc làm tại địa phương không đáp ứng được nhu cầu việc làm thực tế của lực lượng lao động, công việc tại nông thôn thường mang tính thời vụ, cơ giới hóa trong nông nghiệp, điển hình là máy gặt đập liên hợp, thay thế hầu hết lao động chân tay. Thứ hai, các hộ gia đình Kơ-me nghèo, đông con, có ít đất hoặc không đất canh tác, nhiều thành viên gia đình thất nghiệp và không được đào tạo nghề, thu nhập thấp và bấp bênh. Thứ ba, một số lao động di cư do tính hiếu kỳ. Thứ tư, gia đình thường xuyên lâm vào cảnh nợ nần, mong muốn trả được nợ và có tiền lo cho con ăn học. Trong từng nhóm đối tượng có những lý do di cư cụ thể.

Nhóm lao động di cư ngắn hạn phần lớn là những người trẻ tuổi, độc thân, dưới 25 tuổi, tìm việc chủ yếu vì hiếu kỳ muốn trải nghiệm cuộc sống ở thành thị và muốn thay đổi lối sống. Những lao động này bị thu hút bởi suy nghĩ về sự hiện đại và náo nhiệt của thành thị; họ từng nghe kể về thành phố nhưng chưa bao giờ có cơ hội tiếp cận. Nhóm lao động trẻ thường cho rằng công việc tại thành phố đều đặn và được nhận lương hàng tháng; mối quan hệ xã hội của họ cũng tăng lên vì quen biết được nhiều người. Vì vậy, họ quyết định kết thành nhóm bạn đi tìm việc. Nhóm lao động này thường làm việc trong các công trình xây dựng, công ty gỗ, chế biến thủy sản, các công ty may mặc và giày da.

² Nuôi bò rế: Người chủ bò là người Kơ-me khá giả hoặc người Kinh; người chủ và người nuôi bò thỏa thuận với nhau bằng hợp đồng miệng. Người nuôi bò có thể nhận nuôi bò nghé từ 5 đến 12 tháng tuổi; nuôi khoảng 3 năm, con bò này sẽ đẻ nghé con. Đến giai đoạn sinh sản, có ba hình thức chia lợi nhuận: 1) người nuôi bắt con nghé đầu tiên, người chủ bắt con nghé thứ hai; 2) người chủ bắt con nghé đầu tiên và người nuôi bắt con nghé thứ hai; và 3) người nuôi và người chủ thỏa thuận chia đôi đồng đều số tiền bán con nghé.

Nhóm lao động di cư mùa vụ thường trên 25 tuổi, phần lớn đã lập gia đình. Họ cho rằng làm nông nghiệp vất vả nhưng không thể tích lũy tiền do diện tích đất quá ít (0,05ha - 0,2ha) trong khi công việc tại thành phố hoặc các tỉnh khác nhiều hơn, thường xuyên và thu nhập cao. Ngoài ra, họ có thể nhận được những khoản tiền tăng ca hoặc tiền thưởng từ chủ thuê để có thể tích lũy gửi về gia đình. Phần lớn đối tượng này đi tìm việc một mình hoặc cùng với các thành viên gia đình.

5.3. Lao động Khơ-me hồi cư về nông thôn

5.3.1. Môi trường làm việc tại nơi đến của lao động di cư

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn lao động Khơ-me di cư là những lao động giản đơn, làm những công việc nặng nhọc, không an toàn, áp lực tăng ca cao, nhưng tiền lương thấp và không nhận được chế độ bảo hiểm do thời gian làm việc ngắn. Đây là một trong những yếu tố chính dẫn đến quyết định hồi cư của lao động Khơ-me.

Nhóm lao động Khơ-me di cư theo mùa vụ thường làm việc trong các công trình xây dựng và các nông trường trồng cao su và cà phê với những lý do sau. Thứ nhất, các công việc này không yêu cầu trình độ học vấn và kỹ năng tay nghề, không giới hạn độ tuổi, chỉ cần có sức khỏe tốt. Thứ hai, người lao động tìm việc rất dễ dàng, chỉ cần thông qua sự giới thiệu của người thân họ hàng hoặc bạn bè. Thứ ba, thủ tục xin việc đơn giản, người tìm việc chỉ cần có chứng minh thư và giấy đăng ký tạm trú.

Mặc dù công việc tại các công trình xây dựng giản đơn như vận chuyển vật liệu

xây dựng, phụ hồ, buộc khung sắt, vệ sinh công trình và thu dọn vật liệu sau mỗi ngày làm việc, nhưng rất nặng nhọc vì hoàn toàn làm việc ngoài trời và hầu như không được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động. Nhóm lao động này làm tăng ca trung bình 4 ngày/tuần, nhưng không bắt buộc vào thời điểm bắt đầu công trình. Tuy nhiên, vào thời điểm gần kết thúc công trình công nhân phải tăng ca suốt tuần, trung bình 12 giờ/ngày, tiền lương ngày tăng ca gấp 1,5 lần so với ngày thường. Hầu hết lao động Khơ-me cho biết làm việc cho các công trình xây dựng nặng nhọc hơn nhiều so với làm nông nghiệp, nhưng đổi lại, họ có được thu nhập đều đặn và cao hơn nhiều so với làm thuê trong nông nghiệp. Quan trọng là họ có thể tích lũy được tiền gửi về.

Nhóm lao động thời vụ Khơ-me làm tại các nông trường cao su và cà phê hài lòng với công việc 8 giờ/ngày, không phải tăng ca, mức lương trung bình từ 1,5 đến 2 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, nhóm đối tượng này phải đối mặt với vấn đề sức khỏe, nguồn thực phẩm và vệ sinh do nơi làm việc hầu như cách biệt với cộng đồng bên ngoài.

Ngược lại, nhóm lao động di cư ngắn hạn thích làm việc trong các công ty sản xuất đồ gỗ, công ty may mặc, giày da... do môi trường làm việc tại các KCN gần đô thị và điều kiện tuyển dụng của các công ty khá dễ dàng, không yêu cầu cao về trình độ học vấn, nhưng tối thiểu phải hoàn thành cấp tiểu học. Tuy nhiên, thủ tục xin việc phức tạp cho dù nhóm lao động này được bạn bè hay người quen giới thiệu và người tìm việc phải hoàn thành hồ sơ xin việc. Sau khi được chấp nhận, người xin việc phải ký với công ty một hợp đồng lao động, lương thỏa thuận.

Hầu hết những lao động Khor-me di cư ngắn hạn bị áp lực về các quy định nghiêm khắc của công ty. Bên cạnh đó, công nhân thường phải tăng ca liên tục từ 10 đến 12 giờ/ngày, ít nhất 4 ngày/tuần, thậm chí 6 ngày/tuần. Công nhân Khor-me không được cấp bảo hiểm nếu thời gian làm việc tại công ty dưới 3 tháng; nhận lương từ công ty 2 lần/tháng; nghỉ phép phải viết đơn xin trước một tuần, nghỉ không phép bị trừ lương gấp 4-10 lần ngày lương bình thường; chỉ được nghỉ làm việc vào các ngày lễ, tết phổ biến của người Kinh³ và ngày tết cổ truyền Chol Thnam Thmay; nếu nghỉ theo quy định, công nhân được công ty tặng quà và tiền thưởng. Nếu làm tăng ca, công nhân nhận mức lương từ 1,8 đến 2,1 triệu đồng/tháng.

Có một sự khác nhau giữa hai nhóm lao động di cư theo mùa vụ và lao động di cư ngắn hạn về mức độ thích ứng với công việc và mức tiền lương nhận được. Mặc dù làm việc ngoài trời nắng và nặng nhọc, nhưng lao động di cư mùa vụ thích làm tại các công trình xây dựng hoặc nông trường cao su, cà phê, vì họ tự do di chuyển; có thể đứng hoặc ngồi tạm thời khi mệt mỏi; có thể xin nghỉ phép một vài ngày bất kỳ thời gian nào để nghỉ ngơi hoặc vì công việc cá nhân, chỉ cần báo trước với tổ trưởng mà không cần phải viết đơn xin phép do họ hưởng lương theo công nhật. Trong khi nhóm lao động di cư ngắn hạn làm trong công ty phải đứng hoặc ngồi suốt thời gian làm việc trong ngày. Họ phải tuân thủ những nguyên tắc, giờ giấc làm việc khắt khe của công ty. Lương công nhân làm việc ở các công trình

xây dựng cao hơn so với lương công nhân ở các công ty đồ gỗ và công ty may và giày da.

5.3.2. Điều kiện sinh hoạt của lao động di cư tại nơi đến

Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện sinh sống của lao động di cư Khor-me tại nơi đến rất khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Lao động Khor-me rất khó tiếp cận với các dịch vụ xã hội tại nơi đến làm việc do rào cản về ngôn ngữ, điều kiện đi lại khó khăn và do mức thu nhập thấp.

Đối với nhóm lao động Khor-me làm việc trong nông trường cao su, điều kiện sống của họ cũng hết sức khó khăn. Phần lớn công nhân không được chủ nông trường xây lều ở nên phải tự tìm nơi ngủ. Họ dựng lều bạt tạm bợ để nghỉ ngơi vào buổi trưa và buổi tối, một số khác phải mắc võng trên cây để ngủ. Họ cũng không có điện thắp sáng và nước sạch dùng cho sinh hoạt hàng ngày. Nguồn nước sinh hoạt duy nhất của họ thường là các con suối gần nông trường. Thêm vào đó, họ sống rất xa các chợ và khu đô thị nên việc đi lại mua thực phẩm rất khó khăn. Anh Chau Phole, 27 tuổi, công nhân làm việc tại một nông trường cao su cho biết:

“Do điều kiện đi lại khó khăn nên tôi chỉ mua thực phẩm và các vật dụng cần thiết một lần trong tuần. Công nhân phải tìm cách dự trữ thức ăn trong suốt thời gian đó. Thời gian làm việc của công nhân nông trường không phải tăng ca, chỉ làm 8 tiếng/ngày. Mỗi tháng công nhân nhận lương một lần. Chi tiêu của những lao động trong nông trường thấp, trung bình 20.000 đồng/ngày trong khi thu nhập bình quân 50.000 đồng/ngày nên tôi có thể tiết kiệm tiền để gửi tiền về gia đình” (Phỏng vấn sâu anh Chau Phole, 27 tuổi, xã Ô Lâm, 2011).

³ Tết Dương lịch (1/1), Tết Nguyên Đán, lễ 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, lễ Quốc Khánh 2/9.

Đối với nhóm công nhân Khor-me làm việc cho các công ty hoặc các khu công nghiệp điều kiện sống cũng hết sức khó khăn. Nhóm công nhân này thường chia sẻ với nhau phương tiện đi làm việc, việc nấu ăn và ở cùng phòng với nhiều lao động khác. Những lao động này sống chung ở những nơi rất chật hẹp, tạm bợ, thiếu điện, thiếu nước sạch, điều kiện vệ sinh môi trường kém. Với mục đích tiết kiệm được tiền gửi về gia đình, lao động di cư Khor-me phải hạn chế tối đa các khoản chi tiêu cá nhân tại nơi làm việc. Anh Chau Sác, 35 tuổi, công nhân làm phụ hồ, có nhận xét như sau:

“Đầu năm 2006, tôi được người quen giới thiệu công việc phụ hồ cho một công ty xây dựng tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền lương công nhật năm đầu tiên là 70.000 đồng/ngày, một năm sau tăng lên 80.000 đồng/ngày, và hiện tại là 90.000 đồng/ngày. Sau khi trừ tất cả các khoản chi phí như ăn uống, hút thuốc, thuê điện thoại về nhà, v.v. tôi gửi 1 triệu đồng/tháng về cho vợ chăm sóc cha mẹ, các con và để đầu tư ruộng lúa. Làm hồ nặng nhọc hơn làm ruộng vì làm việc suốt ngoài trời nắng; điều kiện ăn ở khó khăn, nhưng đổi lại, tôi có được việc làm thường xuyên và có tiền gửi về gia đình. Thời gian đầu, tôi không quen với điều kiện sống tại đây vì 4 người cùng ngủ một cái mùng khoảng 3m², thường xuyên bị muỗi đốt, không ngủ được. Nhưng do công việc nặng nhọc và mệt mỏi nên tôi cố gắng ngủ để tiếp tục cho ngày hôm sau...” (Phỏng vấn sâu anh Chau Sác, 35 tuổi, xã Ô Lâm, 2011).

Mặc dù điều kiện về nơi ở của nhóm lao động ngắn hạn làm việc tại các khu công nghiệp có khá hơn so với nhóm công nhân làm việc tại các nông trường, nhưng với chi

phí sinh hoạt cao hơn nên lượng tiền tiết kiệm để gửi về gia đình không đáng kể. Thậm chí đối với nhóm lao động Khor-me trẻ độc thân có độ tuổi 18-25 có mức chi tiêu cao hơn so với thu nhập nên họ chẳng những không thể tích lũy được tiền gửi về gia đình mà còn phải vay mượn bạn bè. Những lao động có độ tuổi cao hơn và đã lập gia đình có thể tiết kiệm trung bình từ 500.000 đến 1 triệu đồng/tháng.

5.3.3. Nguyên nhân hồi cư của lao động Khor-me

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn lao động Khor-me di cư tìm việc làm một cách tự phát và tạm thời. Phần lớn họ không có ý định định cư hoặc làm việc lâu dài tại nơi đến. Nguyên nhân hồi cư của lao động di cư Khor-me rất đa dạng. Tất cả những nguyên nhân này đều làm tổn thương cho từng cá nhân lao động Khor-me hồi cư.

Thứ nhất, hầu hết lao động Khor-me trước khi quyết định đi di cư lao động đều nghĩ rằng họ sẽ có việc làm đều đặn với một mức lương có thể giúp gia đình cải thiện thu nhập. Tuy nhiên, điều kiện làm việc và sinh sống thực tế tại nơi đến không như họ mong muốn. Điều kiện làm việc nhiều áp lực vì công việc nặng nhọc - “công việc 3D”, điều kiện sinh sống tại nơi đến khó khăn, ảnh hưởng đến lâu dài đến sức khỏe. Cô Néang Nhane, công nhân làm việc tại một nông trường cao su cho biết:

“Tôi và một nhóm lao động Khor-me cùng làm việc tại một nông trường cao su tại tỉnh Bình Phước. Làm việc được một tháng, tôi trở về quê do bị bệnh tiêu chảy nặng vì tất cả chúng tôi dùng nước ở con suối duy nhất gần đó để nấu ăn. Nguồn nước bị ô nhiễm do lá cây rừng rụng

lâu năm thối rữa. Nơi ngủ cũng rất tạm bợ, phần lớn nam ngủ võng, phụ nữ trải chiếu và giăng mùng trên nền đất để ngủ. Do không có bảo hiểm y tế nên có đến 20 lao động Khơ-me khác bị tiêu chảy cùng trở về quê giống tình trạng của tôi, phải đi nằm viện điều trị ở bệnh viện địa phương gần một tuần” (Phỏng vấn sâu cô Néang Nhane, 32 tuổi, xã Ô Lâm, 2011).

Thứ hai, rào cản về ngôn ngữ đã đẩy người lao động Khơ-me trở về nông thôn. Nhiều lao động Khơ-me không có khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt hoặc giao tiếp bằng tiếng Việt không lưu loát. Mọi thông tin đều phụ thuộc vào người trưởng nhóm lao động. Trưởng nhóm là người có thể giao tiếp thông thạo tiếng Việt và là người đã có nhiều kinh nghiệm làm việc tại nơi đến. Trưởng nhóm là cầu nối truyền tải thông tin cho các thành viên trong nhóm và người sử dụng lao động. Nếu người trưởng nhóm nghỉ việc thì tất cả các thành viên khác phải hồi cư.

Thứ ba, nhóm lao động di cư theo thời vụ thường trở về nông thôn vào thời điểm gia đình thiếu lao động, thời điểm mùa vụ đông ken - xuống giống hoặc thu hoạch lúa, kéo dài khoảng một tháng. Nhóm lao động này thường quay trở lại tìm việc sau khi mùa vụ kết thúc.

Thứ tư, người lao động Khơ-me hồi cư do thất vọng về chính sách tiền lương của nhà tuyển dụng lao động. Các công ty thông báo tuyển dụng lao động với những công việc trả lương cao và sẽ tăng lương sau một tháng thử việc. Tuy nhiên, trong thực tế, người lao động đã qua thời gian thử việc nhưng không được tăng lương, mức tiền lương quá thấp không đủ chi tiêu.

Nguyên nhân cuối cùng, hầu hết lao động Khơ-me được phỏng vấn cho rằng họ không thích nghi được tác phong lao động công nghiệp và những quy định khắt khe của công ty. Những lao động này quen với hoạt động làm thuê trong nông nghiệp không phải chịu nhiều áp lực về giờ giấc làm việc. Ngược lại, khi làm việc trong các KCN đòi hỏi người công nhân phải đi làm đúng giờ và làm liên tục trong nhiều giờ liền (8-10 tiếng) nên họ không thể trụ được lâu tại nơi làm việc.

“Sau thất bại trở về từ lần xuất khẩu lao động sang Malaysia năm 2005, Sóc Phep được bạn bè giới thiệu việc làm tại một công ty may mặc tại KCN Bình Dương. Công việc yêu cầu phải có kỹ năng công việc, phải làm liên tục nhiều giờ; do quá mệt mỏi nên anh không thể duy trì được tốc độ công việc. Sóc Phep quyết định nghỉ việc chỉ sau hai ngày làm việc. Sau đó, anh xin việc làm mới tại công ty giày da tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau hơn hai tháng làm việc mà anh vẫn không được tăng lương. Với mức lương khởi điểm và có tăng ca nhưng anh chỉ nhận được 1,5 triệu đồng/tháng. Số tiền này không đủ để anh chi tiêu ăn uống và thuê nhà trọ. Sóc Phep quyết định về quê cùng với 5 người bạn trong nhóm” (Phỏng vấn sâu anh Châu Sóc Phep, 26 tuổi, xã Ô Lâm, 2011).

5.3.4. Sinh kế của lao động Khơ-me sau khi hồi cư

Làm thế nào để tạo thu nhập và cải thiện đời sống của lao động Khơ-me, đặc biệt là lao động Khơ-me nghèo, sau hồi cư là một câu hỏi lớn của chính bản thân người hồi cư và chính quyền địa phương. Phần lớn những lao động này phải tiếp tục đối

mặt với tình trạng thất nghiệp, việc làm không ổn định và thu nhập rất bấp bênh tại địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu như tất cả những lao động Khơ-me quyết định hồi cư không cải thiện được hoàn cảnh sống của bản thân và gia đình do số tiền tích lũy được trong thời gian làm việc ở các nông trường và các KCN không đáng kể. Nhóm lao động Khơ-me này tiếp tục thất nghiệp và bán thất nghiệp sau khi trở về nông thôn. Những công việc họ thường làm: phụ tiếp làm thuê nông nghiệp (đối với hộ có đất sản xuất) và săn bắt hái lượm (bắt rắn, thu lượm sắt vụn, đốn củi) để tạo thu nhập sống qua ngày. Một số lao động trẻ chờ cơ hội tìm việc làm mới và tiếp tục di cư lao động. Một số khác muốn học nghề và làm tại quê hương do bị tổn thương về sức khỏe sau một thời gian di cư lao động. Số ngày làm việc trung bình của lao động hồi cư tại địa phương không quá 20 ngày/tháng với thu nhập dao động từ 30.000 đến 50.000 đồng/ngày.

“Sau một thời gian làm việc nặng tại một công trình xây dựng, tôi bị đau cột sống nên không thể tiếp tục làm việc. Tôi về quê để điều trị bệnh bằng thuốc nam. Về nhà được hơn hai tháng nhưng không có việc gì làm nên tôi đi bắt cua để bán. Tôi dậy sớm từ 4 giờ sáng để chuẩn bị cơm và thuốc mang theo, 4 giờ chiều tôi về đến nhà. Mỗi ngày tôi đạp xe cả đi và về khoảng 60 cây số, kiếm được trung bình 40.000 - 50.000 đồng tiền bán cua. Thời gian gần đây do có nhiều người đi bắt cua nên số lượng cua bắt được không nhiều. Hiện tại chỉ biết bắt cua bán sống qua ngày, chưa biết làm gì khác để kiếm tiền” (Phỏng vấn sâu ông Chau Chreng, 40 tuổi, xã Ô Lâm, 2011).

5.3.5. Chính sách hỗ trợ cho lao động hồi cư

An Giang thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động mất việc hồi cư do khủng hoảng kinh tế theo Điều 2 và 3 của quyết định số 30/2009/QĐ-TTg được ban hành ngày 23 tháng 2 năm 2009. Theo cán bộ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, chính sách này cũng được áp dụng trên đối tượng lao động Khơ-me hồi cư. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết những lao động Khơ-me hồi cư hầu như không nhận được bất kỳ khoản hỗ trợ nào từ Nhà nước. Theo cán bộ địa phương, nhóm lao động này không thuộc đối tượng “bị mất việc về quê do khủng hoảng kinh tế”, mà họ là những lao động hồi cư tự phát do không thích ứng được với điều kiện nơi đến làm việc hoặc họ hồi cư do theo mùa vụ.

6. Kết luận

Quá trình di cư lao động của người Khơ-me từ nông thôn ra thành thị diễn ra khá nhanh trong những năm gần đây. Tuy nhiên, một lượng lớn lao động Khơ-me quyết định hồi cư do nhiều nguyên nhân khác nhau: rào cản về ngôn ngữ; thu nhập không đủ chi tiêu, không thích ứng được với môi trường làm việc và nơi sinh sống; bản thân người lao động Khơ-me thiếu tác phong công nghiệp, thiếu kỹ năng tay nghề; tổn thương về sức khỏe do lao động nặng nhọc.

Sự hồi cư đã tạo ra một áp lực rất lớn cho bản thân người lao động di cư và gia đình của họ về vấn đề thất nghiệp và bán thất nghiệp tại địa phương ngày càng gia tăng, những tổn thương chung về tâm lý và sức khỏe của người lao động Khơ-me khi tái hòa nhập vào cộng đồng; tình trạng nợ nần

một phần do hệ quả của di cư lao động; tình trạng mất việc làm do vấn đề cơ giới hóa trong nông nghiệp, trong khi nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm. Đời sống của người lao động Khơ-me càng khó khăn hơn sau khi hồi cư. Phần lớn họ chưa có chiến lược sinh kế trong tương lai một cách rõ ràng do họ là những lao động giản đơn chưa qua đào tạo nghề, thiếu kỹ năng nghề nghiệp, trình độ học vấn thấp và khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt chưa được cải thiện. Chính sách tác động của Nhà nước để giải quyết vấn đề này chưa thật sự rõ ràng và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Cassarino, J. P. (Ed.) (2008), *Return Migrants to the Maghreb Countries: Reintegration and development challenges*.
2. Cassarino, J. (2004), 'Theorising return migration: The conceptual approach to return migrants revisited', *Diversity in the Asia Pacific Region and Europe* 6(2), Pp. 253-279.
3. Ellis, F. (2000), *Rural livelihoods and diversity in developing countries*, Oxford University Press, USA.
4. Ellis, F. (2003), *A Livelihoods Approach to Migration and Poverty Reduction*.
5. Gubert, F. & Nordman, C. J. (2008), *Who benefit most from migration? An empirical analysis using data on return migrants in the Maghreb*, European University Institute, Florence, Robert Schuman Centre for advanced Studies, ISBN.
6. ILO (2004), "Towards a fair deal for migrant workers in the global economy", *International Labour Conference, 92nd Session*, International Labour Office Geneva.
7. Ngô Trung Thành (2008), "Migration labors in industrial zones and rural labor market: A case study in Que Vo industrial zone, Bac Ninh province", *Working paper 2006-2008*, No. 4, ISBN.
8. Võ Duy Thanh (2009), *Dike Construction, Social Differentiation and Local Adaptive Strategies: A Case Study of a Farming Village in the Mekong Delta, Vietnam*, Diss. Chiang Mai University, Thailand
9. Ruspini, P. (2009), *Pattern of circular/return migration and the ageing migrant population in the Europe*, University of Lugano, Switzerland ISBN.
10. World Bank, DFID (1999), *Voice of the poor: Synthesis of Participatory Poverty Assessment*, Prepared in Consultation with International and National Partners in Vietnam.
11. Zhang, H. X., Kelly, P. M., Locke, C., Winkels, A. & Adger, W. N. (2006), *Migration in a transitional economy: Beyond the planned and spontaneous dichotomy in Vietnam*.